

Bản án số: 04/2025/KDTM-ST
Ngày 28-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương

Ông Đinh Quốc Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Tô Việt Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng kinh tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn VĐ; địa chỉ: Km 7, Đường 5, phường H, quận H (nay là Km 7, Đường 5, phường H), thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Bá Châu – Luật sư, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 1612/GUQ-VĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024); có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Tr; địa chỉ: Số 18 đường B, phường Th, thành phố Thủ Đức (nay là số 18 đường B, phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

1. Về số nợ gốc:

Ngày 07/3/2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn VĐ (sau đây gọi tắt là “Công ty VĐ”) và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Tr (sau đây gọi tắt là “Công ty Tr”) ký Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT V/v Cung cấp bê tông thương phẩm & dịch vụ bơm bê tông (sau đây gọi tắt là Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT), với nội dung cơ bản như sau: Công ty VĐ đồng ý bán, Công ty Tr đồng ý mua bê tông thương phẩm và sử dụng dịch vụ bơm bê tông theo báo giá; thời hạn thanh toán là không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày Công ty Tr nhận được Bảng tổng hợp khối lượng bê tông, các dịch vụ cung cấp trong tháng và Bản đối chiếu công nợ do Công ty VĐ gửi cho Công ty Tr (Điều 3.2); Hạn mức công nợ không vượt quá 300 triệu và không quá 30 ngày (Điều 3.5); Lãi chậm trả là 20%/năm và phạt vi phạm hợp đồng là 8% trên số tiền vi phạm (Điều 3.6); Trường hợp phát sinh tranh chấp thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi Bên B (Công ty VĐ) có trụ sở.

Thực hiện hợp đồng, VĐ đã nhiều lần xuất bán bê tông và cung cấp dịch vụ cho Tr, các bên đã ký đối chiếu công nợ đầy đủ. Trên cơ sở khối lượng bê tông xuất bán, biên bản đối chiếu công nợ của các bên, Công ty VĐ đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng từng đợt cho Công ty Tr, cụ thể như sau:

- Ngày 05/4/2022, các bên ký Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/3/2022 đến ngày 31/3/2022 với tổng số nợ lũy kế là 570.864.000 đồng. Ngày 13/4/2022, Công ty VĐ xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000312, giá trị hoá đơn là 570.864.000 đồng cho Công ty Tr;

- Ngày 03/5/2022, các bên ký Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/4/2022 nợ phát sinh trong tháng là 392.142.000 đồng, tổng số nợ lũy kế là 863.006.000 đồng. Ngày 13/5/2022, Công ty VĐ xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000433, giá trị hoá đơn là 392.142.000 đồng cho Công ty Tr;

- Ngày 11/6/2022, các bên ký Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/5/2022 đến ngày 25/5/2022 nợ phát sinh trong tháng là 380.900.000 đồng, tổng số nợ lũy kế là 943.906.000 đồng. Ngày 11/06/2022, Công ty VĐ xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000549 ngày 11/6/2022, giá trị hoá đơn là 380.900.000 đồng cho Công ty Tr;

- Ngày 20/6/2022, các bên ký Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/6/2022 đến ngày 17/6/2022 nợ phát sinh trong tháng là 176.480.000 đồng, tổng số nợ lũy kế là 920.386.000 đồng. Ngày 28/6/2022, Công ty VĐ xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000618, giá trị hoá đơn là 176.480.000 đồng cho Công ty Tr.

Ngày 09/03/2023, Công ty Tr gửi cho Công ty VĐ văn bản số 026/CV-TT v/v Thanh toán nợ quá hạn, có nội dung:

“Tính đến ngày 09/3/2023, Công ty Trường Thành còn nợ Công ty TNHH VĐ số tiền là 920.386.000 đ (Chín trăm hai mươi triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng).”;

“Công ty Tr xin đề xuất kế hoạch thanh toán công nợ được chia vào các đợt theo thời gian dự kiến như sau:

- + Đợt 1: Thời gian từ ngày 20 đến ngày 25/03/2023.*
- + Đợt 2: Thời gian từ ngày 15 đến ngày 25/04/2023.*
- + Đợt 3: Thời gian từ ngày 25 đến ngày 30/05/2023;*
- + Đợt 4: Thời gian từ ngày 20 đến ngày 30/06/2023;*
- + Đợt 5: Thời gian từ ngày 25 đến ngày 30/07/2023;*
- + Đợt 6: Trước ngày 20/08/2023 thanh toán dứt điểm phần còn lại.”*

Tuy nhiên, sau đó, Công ty Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng nội dung nói trên.

Đến ngày 28/7/2023, Công ty Trường Th ban hành văn bản Cam kết thanh toán số 28/7/2023 có nội dung:

“Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ đã ký xác nhận giữa hai bên tại ngày 30/6/2022 và tình hình thanh toán công nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Tr cho Công ty TNHH VĐ tính đến thời điểm hiện tại ngày 28/07/2023. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Tr còn nợ Công ty TNHH Vạn Đ số tiền là 920.386.000 đồng.

...

1. Bằng việc ký văn bản này Công ty chúng tôi cam kết trả nợ như sau:

- Chậm nhất ngày 02/08/2023 trả số tiền là 200.000.000 đồng;*
- Chậm nhất ngày 31/08/2023 trả số tiền là 720.386.000 đồng;*

Trong trường hợp tôi thu được công nợ trước hạn sẽ thanh toán trả trước lịch cam kết trả nợ trên.

- Nếu trường hợp tôi vi phạm một trong các lịch trả nợ nói trên thì (1) tôi đồng ý trả lãi chậm trả theo điều 3 khoản 3.6 của Hợp đồng kinh tế số: 0703/2022/VĐ-TT, ký ngày 07/03/2022. “Bên vi phạm thời hạn trả nợ thì phải trả lãi chậm trả trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả với mức lãi suất chậm trả là 20%/năm”. đến khi trả nợ xong; Trường hợp Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Tr không thực hiện đúng cam kết. (2) Công ty TNHH VĐ được áp dụng mọi biện pháp phù hợp, theo quy định của pháp luật để thu hồi số tiền nợ; (3)

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Tr đồng ý chi trả cho công ty TNHH VĐ mọi khoản chi phí tổ tụng phát sinh trong đó có chi phí luật sư theo hợp đồng công ty ký với công ty/văn phòng luật sư”.

Sau đó, ngày 08/9/2023, Công ty Tr trả cho Công ty VĐ số tiền là 70.000.000 đồng; ngày 02/2/2024, Công ty Tr trả cho Công ty VĐ số tiền là 100.000.000 đồng; ngày 23/7/2025, Công ty Tr trả cho Công ty VĐ số tiền là 100.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số nợ gốc Công ty Tr còn nợ tính đến thời điểm hiện tại là: 920.386.000 đồng – 70.000.000 đồng – 100.000.000 đồng – 100.000.000 đồng = **650.386.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng) (1).**

2. Tiền lãi chậm trả:

Theo thỏa thuận tại Điều 3.5 Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT thì hạn mức nợ là không quá 300 triệu đồng và thời hạn không quá 30 ngày. Ngày 20/6/2022, hai bên lập Biên bản đối chiếu công nợ chốt tổng số nợ gốc lũy kế của Công ty Tr tính đến ngày 17/6/2022 là 920.386.000 đồng. Theo đó, Công ty Tr có nghĩa vụ phải trả số tiền 920.386.000 đồng chậm nhất là ngày 17/7/2022 (30 ngày).

Ngày 09/3/2023, Công ty Tr gửi cho VĐ văn bản số 026/CV-TT v/v Thanh toán nợ quá hạn cam kết đợt thanh toán đầu tiên chậm nhất là ngày 25/3/2023. Tuy nhiên, sau đó, không thực hiện bất kỳ nội dung nào của bản cam kết ngày 09/3/2023.

Để thuận tiện trong việc tính toán, Công ty VĐ chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 01/4/2023 (sau đợt cam kết thanh toán đầu tiên ngày 25/3/2023) mà Công ty Tr tiếp tục vi phạm.

Theo thỏa thuận tại Điều 3.6 Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT thì lãi suất chậm trả được tính là 20%/năm (365 ngày).

Tại Văn bản Cam kết thanh toán số 28/07/2023 ngày 28/7/2023, Công ty Tr cũng cam kết trường hợp vi phạm thì đồng ý trả lãi chậm trả trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả với mức lãi suất chậm trả là 20%/năm đến khi trả nợ xong.

Vì vậy, kể từ ngày 01/4/2023 tính đến ngày 28/8/2025 (ngày xét xử sơ thẩm), Công ty Tr phải trả lãi theo số nợ gốc thực tế còn lại của từng thời điểm được tính toán như sau:

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 01/4/2023 đến ngày 07/9/2023 = 920.386.000 đồng (nợ gốc chậm trả) x 159 ngày (số ngày chậm trả) x (20%/365) (lãi suất chậm trả tính trên 1 ngày) = **80.187.054 đồng (2);**

- Ngày 08/9/2023, Công ty Tr trả cho Công ty VĐ số tiền là 70.000.000 đồng. Nợ gốc còn lại là 920.386.000 đồng – 70.000.000 đồng = 850.386.000 đồng. Tiền lãi chậm trả từ ngày 08/9/2023 đến ngày 01/02/2024 (ngày trả nợ tiếp theo) =

850.386.000 đồng (nợ gốc chậm trả) x 146 ngày (số ngày chậm trả) x (20%/365) (lãi suất chậm trả tính trên 1 ngày) = **68.030.880 đồng (3)**;

- Ngày 02/02/2024, Công ty Tr trả cho Công ty VĐ số tiền là 100.000.000 đồng. Theo đó, nợ gốc còn lại tại thời điểm ngày 02/02/2024 là 850.386.000 đồng – 100.000.000 đồng = 750.386.000 đồng. Tiền lãi chậm trả từ ngày 02/02/2024 đến ngày 23/7/2025 (ngày trả nợ tiếp theo) = 750.386.000 đồng (nợ gốc chậm trả) x 536 ngày (số ngày chậm trả) x (20%/365) (lãi suất chậm trả tính trên 1 ngày) = **220.387.340 đồng (4)**.

- Ngày 23/7/2025, Công ty Tr trả cho Công ty VĐ số tiền là 100.000.000 đồng. Theo đó, nợ gốc còn lại tại thời điểm ngày 23/7/2025 là 750.386.000 đồng – 100.000.000 đồng = 650.386.000 đồng. Tiền lãi chậm trả từ ngày 23/7/2025 đến ngày 28/8/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) = 650.386.000 đồng (nợ gốc chậm trả) x 36 ngày (số ngày chậm trả) x (20%/365) (lãi suất chậm trả tính trên 1 ngày) = **12.829.532 đồng (5)**.

3. Phạt vi phạm hợp đồng:

Theo thỏa thuận tại Điều 3.6 Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT thì ngoài phải trả lãi chậm trả, Công ty Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán chịu phạt 8% số tiền vi phạm.

Tính đến thời điểm hiện tại (ngày 28/8/2025) nợ gốc còn lại của Công ty Tr là 650.386.000 đồng. Vì vậy, số tiền tiền phạt là = 650.386.000 đồng x 8% = **52.030.880 đồng (6)**.

Từ những phân tích, trình bày, căn cứ trên đây, nguyên đơn (Công ty Trách nhiệm hữu hạn VĐ) đề nghị Toà án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Tr phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn VĐ tổng số tiền tính đến ngày 28/8/2025 ((**(1)**) + (**(2)**) + (**(3)**) + (**(4)**) + (**(5)**) + (**(6)**)) là: **1.083.851.686** đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, tám trăm lăm mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng), bao gồm:

- Nợ gốc là: **650.386.000** đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng);

- Lãi chậm trả từ ngày 01/4/2023 đến ngày 28/8/2025 là **381.434.806** đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, tám trăm linh sáu đồng);

- Phạt vi phạm hợp đồng là **52.030.880** đồng (Bằng chữ: Năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi nghìn, tám trăm tám mươi đồng).

2. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Tr tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm trả mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp

đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025) cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty VD.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là Công ty Tr; mặc dù Công ty Tr đã nhận được các văn bản này nhưng Công ty Tr không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có mặt tại tất cả các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, thông báo.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định, vi phạm các khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/5/2025 của Quốc hội; các điều 117, 119, 274, 275, 278, 281, 351, 357, 358, 418, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 300, Điều 301, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Tr phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn VD tổng số tiền (tính đến ngày 28/8/2025) là: **1.083.851.686** đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng), bao gồm:

- Nợ gốc là: **650.386.000** đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng);

- Lãi chậm trả từ ngày 01/4/2023 đến ngày 28/8/2025 là **381.434.806** đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, tám trăm linh sáu đồng);

- Phạt vi phạm hợp đồng là **52.030.880** đồng (Bằng chữ: Năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi nghìn, tám trăm tám mươi đồng).

2. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Tr tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm trả mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025) cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty VD.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo thỏa thuận của hai bên tại Điều 9 (tranh chấp và giải quyết tranh chấp) của Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT: *“Khi không thống nhất giải quyết được thì một bên có quyền đưa ra Tòa án nhân dân nơi Bên B có trụ sở để giải quyết theo quy định của pháp luật”*; Bên B là Công ty TNHH VD có địa chỉ trụ sở tại: Km 7, Đường 5, phường H, quận H (nay là Km 7, Đường 5, phường H), thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/5/2025 của Quốc hội.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Tr phải cho Công ty VD số tiền nợ gốc là **650.386.000** đồng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT ngày 07/03/2022 giữa Công ty Tr với Công ty VD được thể hiện bằng văn bản; chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là những người có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/6/2022 (từ ngày 01/6/2022 đến ngày 30/6/2022) thể hiện tính đến hết ngày 25/6/2022 Công ty Tr còn nợ của Công ty VD số tiền là 920.386.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng), phù hợp với nội dung tại Công văn số 026/CV-TT ngày 09/3/2023 về việc thanh toán nợ quá hạn của Công ty Tr gửi Công ty VD cũng xác nhận: *“Tính đến ngày 09/3/2023 Công ty Tr còn nợ của Công ty TNHH VD số tiền là 920.386.000 đ (chín trăm hai mươi triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng).”* và Văn bản Cam kết thanh toán số 28/7/2023 ngày 28/7/2023 có nội dung: *“...đến thời*

điểm hiện tại ngày 28/07/2023. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Tr còn nợ Công ty TNHH VD số tiền là: 920.386.000 đồng”

Nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 03 chứng từ thể hiện: Ngày 08/9/2023, Công ty Trường Thành trả cho Công ty VD số tiền là 70.000.000 đồng; ngày 02/02/2024, Công ty Tr trả cho Công ty VD số tiền là 100.000.000 đồng; ngày 23/7/2025 (sau thời điểm Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử), Công ty Tr trả tiếp cho Công ty VD số tiền là 100.000.000 đồng. Như vậy, tổng số nợ gốc Công ty Tr còn nợ tính đến thời điểm hiện tại là 920.386.000 đồng – 70.000.000 đồng – 100.000.000 đồng - 100.000.000 đồng = 650.386.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Về phía bị đơn mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác của Tòa án hợp lệ, nhưng không có ý kiến gì phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra nên đây thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là Công ty Tr phải trả cho nguyên đơn số tiền mua bê tông còn nợ là 650.386.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Tr phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày 28/8/2025 theo mức lãi suất 20%/năm là **381.434.806** đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, tám trăm linh sáu đồng), Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo thỏa thuận tại Điều 3.5 Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VD-TT thì hạn mức nợ là không quá 300 triệu đồng và thời hạn không quá 30 ngày. Ngày 20/6/2022, hai bên lập Biên bản đối chiếu công nợ chốt tổng số nợ gốc lũy kế của Công ty Tr tính đến ngày 17/6/2022 là 920.386.000 đồng. Theo đó, Công ty Tr có nghĩa vụ phải trả số tiền 920.386.000 đồng chậm nhất là ngày 17/7/2022 (sau 30 ngày). Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/4/2023 (sau ngày bị đơn có cam kết trả nợ số 026/CV-TT về việc Thanh toán nợ quá hạn, cam kết đợt thanh toán đầu tiên chậm nhất là ngày 25/3/2023), việc này hoàn toàn có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận mốc thời điểm tính lãi chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu.

Theo quy định tại khoản 3.6 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VD-TT ngày 07/03/2022 hai bên thỏa thuận: *“Bên vi phạm thời hạn trả nợ thì phải trả lãi chậm trả trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả với mức lãi suất là 20%/năm (bằng chữ: Hai mươi phần trăm một năm)”*. Xét thỏa thuận này của các

bên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2025) là **381.434.806** đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, tám trăm linh sáu đồng) như đã phân tích ở trên.

[4] Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Tr tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/8/2025 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) đến ngày thanh toán hết số tiền nợ gốc trên theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại khoản 3.6 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT ngày 07/03/2022 theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Tr phải chịu phạt vi phạm 8% phần nghĩa vụ bị vi phạm là nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng với số tiền là: $650.386.000 \text{ đồng} \times 8\% = \mathbf{52.030.880 \text{ đồng}}$. Xét yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với các điều 300 và 301 của Luật Thương mại và thỏa thuận của các bên tại khoản 3.6 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT ngày 07/03/2022 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 39, 92, 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/5/2025 của Quốc hội; Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 300, Điều 301, Điều 306 của Luật Thương mại 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Tr phải trả cho Công ty TNHH VĐ tổng số tiền tính đến ngày 28/8/2025 là: **1.083.851.686** đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng), bao gồm:

- Nợ gốc là: **650.386.000** đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng);

- Lãi chậm trả từ ngày 01/4/2023 đến ngày 28/8/2025 là **381.434.806** đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, tám trăm linh sáu đồng);

- Phạt vi phạm hợp đồng là **52.030.880** đồng (Bằng chữ: Năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi nghìn, tám trăm tám mươi đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Công ty Tr) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại khoản 3.6 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số: 0703/2023/VĐ-TT ngày 07/03/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Tr phải chịu 44.516.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu, năm trăm mười sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (đã được làm tròn).

- Trả lại Công ty VĐ số tiền 24.050.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002684 ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VP; hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bình

